

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **391/2019/HNGĐ-ST**
Ngày: 18/6/2019

V/v Tranh chấp Xin ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Quốc Tường**;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Bé

2. Ông Nguyễn Văn Thắng

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Thi**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành: Bà **Trần Ngọc Hà**-Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 207/2019/TLST-HNGĐ ngày 01/4/2019 về “*Tranh chấp Xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/05/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phan Hồng G**, sinh năm 1992

Địa chỉ: ấp L T A, xã L H, Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở: ấp 4 xã B S, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

2. Bị đơn: Anh **Dương Thái B**, sinh năm 1986

Địa chỉ: ấp L T A, xã L H, Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

(Chị G có mặt tại phiên tòa, anh B có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn Chị G trình bày: Chị G và anh B chung sống vợ chồng vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 22 ngày 19/4/2016. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn và đến năm 2018 thì mâu thuẫn trầm trọng do anh B thường uống rượu, có lời lẽ xúc phạm và hành hung Chị G, vợ chồng bất đồng quan điểm hiện đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Do mâu thuẫn kéo dài mặc dù cố gắng hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả, tình cảm vợ chồng không còn nên Chị G xin Tòa án giải quyết ly hôn với anh B. Về con chung có 02 con chung tên Dương Bảo Đ sinh ngày 28/10/2011 và Dương Bảo L sinh ngày 16/12/2015, Chị G xin trực tiếp nuôi dưỡng

cháu L, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, đồng ý giao cháu Đ cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, Chị G không cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

*Tai bản tự khai anh B trình bày: anh B không đồng ý ly hôn với Chị G lý do anh còn thương vợ con. Về con chung 02 con tên Dương Bảo Đ sinh ngày 28/10/2011 và Dương Bảo L sinh ngày 16/12/2015, anh B không đồng ý ly hôn nhưng nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh xin trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ, giao cháu L cho Chị G trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cần cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

* Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra cũng như tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định: Chị G và anh B kết hôn vào năm 2008, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 22 ngày 19/4/2016. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn và đến năm 2018 thì mâu thuẫn trầm trọng nguyên nhân theo Chị G trình bày là do anh B thường uống rượu, có lời lẽ xúc phạm và hành hung Chị G, vợ chồng bất đồng quan điểm hiện đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Do thấy không còn tình cảm nên Chị G làm đơn xin ly hôn với anh B. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa Chị G và anh B là hôn nhân hợp pháp. Nay, Chị G xin ly hôn với anh B nên được xem xét giải quyết theo quy định Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu xin ly hôn của Chị G: tại phiên tòa, Chị G yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh B lý do giữa Chị G và anh B phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B thường uống rượu, có lời lẽ xúc phạm và hành hung Chị G, vợ chồng bất đồng quan điểm hiện đã ly thân từ năm 2018 đến nay, giữa hai vợ chồng không còn tình cảm, không có khả năng hàn gắn. Anh B trình bày không muốn ly hôn muốn đoàn tụ để cùng nuôi con. Xét thấy cuộc sống hôn nhân giữa Chị G và anh B đã có phát sinh mâu thuẫn từ năm 2015 và đã đến mức trầm trọng, hiện anh chị đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Anh B xin vắng mặt tại phiên tòa, anh trình bày anh không đồng ý ly hôn nhưng anh không đưa ra được giải pháp để hàn gắn tình cảm, trong khi Chị G vẫn giữ yêu cầu ly hôn. Tại biên bản xác minh của Tòa án ông Nguyễn Văn Nhường là Trưởng ấp L T A, xã L H, Châu Thành, Tiền Giang cũng trình bày giữa Chị G và anh B phát sinh mâu thuẫn là do anh B hay uống rượu về đánh Chị G nên Chị G về nhà cha mẹ ruột ở, dẫn tới vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, hiện tại vợ chồng sống ly thân. Do đó có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa Chị G và anh B là trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, nên xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị G theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: có 02 cháu tên Dương Bảo Đ sinh ngày 28/10/2011 và Dương Bảo L sinh ngày 16/12/2015 Chị G xin trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, đồng ý giao cháu Đ cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, Chị G không cấp dưỡng nuôi con chung. Xét yêu cầu nuôi con chung của Chị G là có căn cứ đúng qui định, vì hiện tại cháu L đang sống với Chị G từ khi ly thân do chị trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến nay, còn cháu Đ sống với anh B từ nhỏ, Chị G cũng có

nghề nghiệp thợ hồ và thu nhập 4.500.000 đồng/tháng đủ điều kiện chăm sóc con chung, nên cần giao cháu L cho Chị G trực tiếp nuôi dưỡng, đồng thời giao cháu Đ cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp nguyện vọng cháu Đ tại tờ khai của cháu Đ ngày 21/5/2019, đảm bảo điều kiện cho cháu L và cháu Đ phát triển toàn diện về tinh thần và thể chất và không làm ảnh hưởng cuộc sống ổn định của cháu L và cháu Đ. Chị G và anh B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét giải quyết về cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Chị G và anh B trình bày không có, không yêu cầu Tòa án xem xét do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị G và anh B trình bày không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị G phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu: Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị áp dụng các Điều 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị G về việc xin ly hôn với anh B, về con chung đề nghị giao con chung là cháu L cho Chị G trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung là cháu Đ cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, Chị G và anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung do không yêu cầu, về tài sản chung và nợ chung không đặt ra xem xét giải quyết do không yêu cầu, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình;
- Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Phan Hồng G
- Về con chung: Giao cháu Dương Bảo L sinh ngày 16/12/2015 cho chị Phan Hồng G trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Dương Bảo Đ sinh ngày 28/10/2011 cho anh Dương Thái B trực tiếp nuôi dưỡng, Chị G và anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn anh B và Chị G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.
- Về án phí: Chị G phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ với số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị

Phương đã nộp theo biên lai thu số 0009536 ngày 26/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành nên xem như Chị G đã nộp xong án phí.

Chị G có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ

Nguyễn Quốc Tường

* Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành
- Chi cục THADS huyện Châu Thành
- UBND xã Long Hưng, Châu Thành
- Đương sự
- Lưu hồ sơ, án văn.